

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ThS. NGUYỄN HUY TẬU - NGUYỄN THỊ HỠ\*  

---

Ngày nhận bài: 27/04/2016; ngày sửa chữa: 06/05/2016; ngày duyệt đăng: 12/05/2016.

**Abstract:** Improving the competence of foreign languages in general and English in particular for students is always urgent requirements of the education in Vietnam. In this article, authors present actual situations of teaching and learning English and some causes of limitation of English proficiency of English non-major students at Hong Duc University. Authors also propose some measures to improve English for students to meet the requirements of the fundamental and comprehensive education reform in Vietnam.

**Keywords:** Situations, solutions, competence of English, English non-major students.

Tình thần đổi mới phương pháp dạy và học theo tiêu chí trang bị cách học, phát huy tính chủ động của người học, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động dạy - học được xem là vấn đề cấp thiết, quan trọng trong quá trình tạo bước chuyển đổi căn bản, toàn diện của sự nghiệp giáo dục nước nhà. Môn học *Tiếng Anh* cũng không nằm ngoài mục tiêu của quá trình đó. Như GS.TS. Nguyễn Thiện Nhân - Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ đã kết luận tại *Hội nghị Toàn quốc về chất lượng giáo dục đại học* (ĐH), ngày 05/01/2008: "Về tiếng Anh: Đề án nâng cao hiệu quả sử dụng tiếng Anh đã được soạn thảo với mục tiêu đề ra đến năm 2020 tất cả sinh viên (SV) tốt nghiệp ĐH phải sống và làm việc được trong môi trường tiếng Anh. Muốn vậy, từ nay đến 2010, Bộ và các trường phải chuẩn bị tốt khâu giảng viên (GV), sau đó tập trung nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh. Bên cạnh các chương trình tiên tiến đã được dạy bằng tiếng Anh, đối với các ngành Công nghệ thông tin, Tài chính - Ngân hàng và Du lịch thì phấn đấu tới năm 2015, SV tốt nghiệp phải sử dụng thành thạo tiếng Anh trong sinh hoạt và làm việc" [1]. Tiếp đó, tại Hội thảo quốc tế về *Xây dựng các đối tác trong giáo dục ĐH: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam và Hoa Kỳ* vào ngày 14 và 15/01/2010 tại Hà Nội, GS.TS. Phạm Vũ Luận - Nguyên Bộ trưởng Bộ GD-ĐT cũng đã khẳng định việc triển khai chương trình nâng cao chất lượng đào tạo và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam tới năm 2020 nằm trong kế hoạch *Đổi mới quản lý giáo dục ĐH Việt Nam giai đoạn 2010-2020*. Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 đến nay đã được triển khai và phát huy được sứ mạng của nó trong việc nâng cao chất lượng giáo viên dạy ngoại ngữ cũng như chất lượng giảng dạy ngoại ngữ trong các trường ở các cấp trên toàn quốc. Như vậy, hơn lúc

nào hết việc biết và sử dụng được ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng ở Việt Nam luôn là nhu cầu cấp thiết cũng như lâu dài.

## 1. Thực trạng về dạy và học tiếng Anh của SV không chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức

**1.1. Thời lượng chương trình giảng dạy.** Thực hiện theo Đề án "Dạy - học tiếng Anh theo định hướng TOEIC" của Nhà trường, từ năm học 2011-2012, thời lượng chương trình giảng dạy tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ gồm có 12 tín chỉ và được phân chia thành các học phần như sau:

*Bảng 1. Thời lượng giảng dạy tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ*

Học phần	Thời lượng chương trình (tín chỉ)	Học kì	Trình độ đào tạo	Điểm TOEIC đầu ra
Tiếng Anh 1	4	3	Hệ ĐH và cao đẳng	≥ 275
Tiếng Anh 2	3	4	Hệ ĐH và cao đẳng	≥ 350
Tiếng Anh 3	3	5	Hệ ĐH	≥ 400
Tiếng Anh 4	2	6	Hệ ĐH	≥ 450

*Bảng 1* cho thấy thời lượng chương trình giảng dạy tiếng Anh đối với SV không chuyên ngữ trình độ cao đẳng là 7 tín chỉ (147 tiết) và ĐH là 10-12 tín chỉ (210-252 tiết) cũng như kết quả đầu ra theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung châu Âu hay Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) là chưa đồng bộ và phù hợp.

**1.2. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.** Kiểm tra, đánh giá trình độ đầu vào và bài thi hết học phần cũng như đầu ra bằng đề thi theo định hướng TOEIC (*không tổ chức kiểm tra quá trình và giữa kì*). Thời gian thi 120 phút/bài thi (45 phút phần Nghe hiểu; 75 phút phần

\* Trường Đại học Hồng Đức

Đọc hiểu) và được thực hiện trên máy tính để đảm bảo tính khách quan và độ chính xác.

**1.3. Kết quả đào tạo tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ ở Trường ĐH Hồng Đức.** Bằng công cụ kiểm tra, đánh giá theo dạng đề thi TOEIC trắc nghiệm trên máy tính, quá trình tổ chức và chấm thi được thực hiện nghiêm túc theo hình thức thi được đánh giá khá chính xác về năng lực tiếng Anh hiện nay trên thế giới. Kết quả đào tạo tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ ở Trường ĐH Hồng Đức thu được qua các kì thi hết học phần tiếng Anh 3 (đầu ra) từ Phòng Kiểm định và Đảm bảo chất lượng của nhà trường vào các ngày 27/12/2014 và 31/05/2015 với tổng số 452 SV dự thi như sau:

*Bảng 2. Kết quả đầu ra môn tiếng Anh của SV không chuyên ngữ*

Mức điểm	Số lượng	Theo khung châu Âu (KNLNNVN)	Tỉ lệ %	Ghi chú
450-710	72/452	B1-B2 (Bậc 3-4)	15,9	Đạt chuẩn
350-445	103/452	A2 (Bậc 2)	22,8	Tiếp tục học mức B1
< 350	277/452	A1 (Bậc 1)	61,3	Tiếp tục học từ mức A1-B1

Bảng 2 cho thấy, năng lực tiếng Anh của SV không chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức còn đang ở mức rất thấp so với quy định theo KNLNNVN. Số SV đạt chuẩn đầu ra (B1 hay Bậc 3) mới chỉ có 72/452 (15,9%); đặc biệt, số SV chưa đạt còn ở mức rất thấp so với yêu cầu chiếm tỉ lệ cao: A1 hay Bậc 1 có 277/452 (61,3%) và A2 hay Bậc 2 có 103/452 (22,8%). Kết quả này đòi hỏi các nhà quản lí phải tìm ra những giải pháp mới phù hợp để đạt được chất lượng như mục tiêu đề ra.

## 2. Những yếu tố ảnh hưởng đến năng lực tiếng Anh của SV Trường ĐH Hồng Đức

Những số liệu trên cho thấy, năng lực học tiếng Anh của SV không chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức còn thấp so với mức chuẩn mà Bộ GD-ĐT đã đề ra. Từ thực tế giảng dạy và ý kiến đánh giá của các GV đều cho rằng năng lực tiếng Anh của SV còn hạn chế là do những yếu tố: động cơ học tập, thái độ học tập, chiến lược học, quy mô lớp học và phương pháp dạy học của GV.

**2.1. Động cơ học tập.** Theo Gardner, động cơ học tập bao gồm ba nhân tố chính: mục đích đề ra, nỗ lực của bản thân mong muốn đạt được mục tiêu đã đề ra và thái độ đúng đắn với hành vi của con người. Như vậy, động cơ học ngoại ngữ của SV chính là kết

hợp của sự kiên trì để đạt được mục đích đã đặt ra, mong muốn học ngoại ngữ và thái độ đúng đắn với việc học ngoại ngữ. Từ khái niệm này, bằng thực tế quan sát qua các giờ dạy và tham khảo ý kiến GV giảng dạy các học phần tiếng Anh cho biết 100% SV không chuyên ngữ chưa có động cơ học môn học; cụ thể là: chưa xác định đúng mục đích học tập, chưa dành thời gian chuẩn bị bài, luyện tập, tích lũy kiến thức ngữ pháp, từ vựng và trong lớp chưa thực sự tập trung học... Nhìn chung, SV chưa có sự quyết tâm học tập để đạt được kết quả như mong muốn.

**2.2. Thái độ học tập.** Một yếu tố ảnh hưởng sâu sắc đến sự thành công của việc học tập nói chung và học tiếng Anh nói riêng đó chính là thái độ học tập. Thái độ học tập có mối liên hệ mật thiết đối với động cơ học tập. Thái độ đối với việc học tiếng Anh là một yếu tố thúc đẩy người học cố gắng hết mình để đạt được mục đích. Cùng với đó, động cơ học tập lại ảnh hưởng đến thái độ của người học. Những người học có động cơ bên ngoài hoặc bên trong sẽ có thái độ học tập tích cực hơn những người không có động cơ hay những người xem việc học là nhiệm vụ bắt buộc.

Nhiều SV học tiếng Anh với tâm lí bị ép buộc vì đây là một môn học bắt buộc trong chương trình. Thêm vào đó, tiếng Anh không phải là môn chuyên ngành cho nên “cố gắng để qua là tốt không thì học lại, thi lại cũng chẳng sao”. Chính vì động cơ học tập không đúng đắn cho nên những SV này có thái độ học “đối phó” (không mua sắm tài liệu/giáo trình; thường mượn vở hoặc sách bài tập đã làm của các bạn từ những khóa trước để sao chép lại; trong giờ học thường không hợp tác với các bạn cùng cặp, cùng nhóm và khi được yêu cầu thực hiện một hoạt động nào đó, họ sẽ nhờ bạn bè hoặc sự trợ giúp từ phía GV; đôi khi, nhiều SV không chuẩn bị bài trước, không tham gia vào các hoạt động giao tiếp tại lớp nên hay tìm lí do để nghỉ học hoặc đi học muộn).

**2.3. Chiến lược học tập.** SV muốn đạt kết quả cao trong học tập không chỉ cần động cơ, thái độ học tập tích cực mà còn cần một chiến lược học tập đúng. Đó cũng là lí do mà khá nhiều SV tuy đầu tư rất nhiều thời gian vào việc học tiếng Anh nhưng vẫn không đạt được kết quả như mong muốn.

Khi được hỏi, phần lớn SV đều trả lời một cách tương tự như nhau về cách học tiếng Anh của mình: - Chuẩn bị bài: chủ yếu chỉ tra từ điển để biết nghĩa của từ vựng mà không quan tâm đến phần ngữ pháp và phát âm. Không có thói quen chuẩn bị các ý tưởng cũng như các chủ đề nói, do đó hiệu quả thực hành

không cao; - Học từ vựng: SV thường học từ vựng theo cách học thuộc lòng, viết đi, viết lại nhiều lần nhưng không có thói quen và không biết cách đặt từ mới vào trong ngữ cảnh để nhớ được lâu,... cách học này làm mất nhiều thời gian và không hiệu quả; - Hoạt động nói tiếng Anh tại lớp thể hiện qua các bước: + Nhận chủ đề hoặc tình huống một cách thụ động; + Đưa ra ý tưởng bằng tiếng Việt sau đó dịch sang tiếng Anh; + Cuối cùng, nhìn vào bài đã chuẩn bị sẵn để đọc một cách máy móc.

Do cách chuẩn bị và thực hành hoạt động nói tiếng Anh như vậy, SV phải mất rất nhiều thời gian tại lớp, làm ảnh hưởng chung đến thời gian quy định của tiết học. Thêm vào đó, độ nhanh nhạy và khả năng phản xạ sẽ bị mất đi. Dần dần, khả năng tư duy bằng tiếng Anh của SV sẽ bị hạn chế rất nhiều.

Tóm lại, động cơ, thái độ và chiến lược học có quan hệ mật thiết và logic với nhau. Chúng có tác động lớn đến quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng của SV. Khi SV xác định được động cơ học tập đúng đắn thì thái độ học tập sẽ tích cực. Đó chính là nguyên nhân để họ tìm ra được chiến lược học phù hợp nhất cho bản thân mình. Đương nhiên, những thành tích tốt sẽ là một nguồn động lực mạnh mẽ tác động ngược trở lại để giúp SV ngày một tiến bộ hơn trong việc học tập.

**2.4. Quy mô lớp học.** Tình trạng lớp học quá đông (40-50 SV/lớp), không phù hợp với các lớp dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Vì lớp đông nên SV có ít cơ hội rèn luyện kỹ năng, GV không thể quan tâm đồng đều đến tất cả các SV. Từ đó, những SV chưa giỏi hoặc nhút nhát hầu như không tiến bộ trong học tập, thậm chí càng lúc càng tụt hậu so với những SV giỏi và mạnh dạn. Bởi thế, cùng một tài liệu hoặc một hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh, một số SV trong lớp sẽ thấy quá dễ đến mức nhàm chán trong khi một số khác lại thấy quá khó và không thể thực hiện nổi.

**2.5. Phương pháp dạy học của GV.** Thông qua các giờ quan sát (dự giờ) trên lớp, các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật cho thấy phương pháp dạy học của GV vẫn còn mang tính truyền thống: chủ yếu dựa vào giáo trình, giờ học còn nặng về thuyết trình, GV giảng nhiều, nói nhiều, nên SV rất ít có cơ hội sử dụng tiếng Anh thực hành giao tiếp trên lớp. Nhiều GV trẻ chưa có kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý lớp học: để SV đi học muộn hoặc nghỉ học nhiều, ngồi tùy tiện trong lớp, không có tài liệu/ giáo trình...

### **3. Một số giải pháp tăng cường năng lực tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ Trường ĐH Hồng Đức**

Để nâng cao năng lực tiếng Anh của SV không chuyên ngữ theo chuẩn Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 và KNLNNVN, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau: - Xây dựng và triển khai chương trình dạy và học tiếng Anh tăng cường cho SV; - Tổ chức quy hoạch, xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch bồi dưỡng, tuyển dụng đội ngũ GV bảo đảm đáp ứng nhu cầu về số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo; - Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng. Khuyến khích bồi dưỡng GV qua các khóa tập huấn quốc tế trong và ngoài nước, được cấp chứng chỉ quốc tế; - Tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá năng lực tiếng Anh của SV mới nhập học để sắp xếp giảng dạy theo chương trình phù hợp với từng đối tượng, trình độ đào tạo; - Thực hiện quy mô lớp nhỏ (30-35 SV/lớp) để SV có nhiều cơ hội sử dụng tiếng Anh cho thực hành giao tiếp; - Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; - Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ việc dạy và học tiếng Anh: + Từng bước đầu tư mua sắm các thiết bị phù hợp cho việc dạy và học tiếng Anh: phòng học tiếng và phòng nghe nhìn; + Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, định kì về công tác sử dụng thiết bị dạy và học ngoại ngữ, bảo đảm tính thiết thực và hiệu quả; + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học tiếng Anh của nhà trường; - Tăng cường hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ: + Tăng cường hợp tác quốc tế để liên kết, hợp tác giảng dạy, đào tạo, tuyển dụng người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ trình độ làm GV dạy tiếng Anh trong nhà trường. Thu hút sự giúp đỡ, tham gia đào tạo của các tổ chức, các chuyên gia, đội ngũ GV tình nguyện có chất lượng của những nước nói tiếng Anh; + Tổ chức các buổi giao lưu với đại diện các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước để SV có cơ hội tìm hiểu yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó giúp SV định hướng được việc học của mình; - Xây dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ việc dạy và học tiếng Anh, tạo động cơ học tập tiếng Anh cho SV và đội ngũ cán bộ, GV trẻ trong nhà trường: + Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức toàn trường, nhất là đối với SV, cán bộ, GV trẻ về việc dạy và học tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng yêu cầu mới; + Xây dựng và phát huy mạnh mẽ môi trường tự học, tự nâng cao trình độ và sử dụng tiếng Anh

của mọi đối tượng; + Khuyến khích phát triển các câu lạc bộ giao tiếp, sử dụng tiếng Anh.

\*\*\*

Nâng cao năng lực tiếng Anh đối với SV không chuyên ngữ của các trường ĐH và cao đẳng trên cả nước nói chung và Trường ĐH Hồng Đức nói riêng là một hướng nghiên cứu, ứng dụng phù hợp với mục tiêu đào tạo ĐH trong xu thế phát triển xã hội ngày nay. Tuy nhiên, thực tiễn dạy và học tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ ở Trường ĐH Hồng Đức vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức. Việc xác định đúng đắn, đầy đủ những hạn chế đó sẽ giúp cho cán bộ, GV và SV kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học, góp phần thực hiện dạy và học tiếng Anh theo KNLNNVN cũng như Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung châu Âu mà mục tiêu Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 đã đề ra đạt hiệu quả cao. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT (2008). *Thông báo số 1007/TB-BGDĐT ngày 13/02/2008 về Kết luận của Phó Thủ tướng, Bộ*

*trưởng Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị toàn quốc về chất lượng giáo dục đại học, ngày 05/01/2008.*

[2] Thủ tướng Chính phủ (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/09/2008 về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”.*

[3] Bộ GD-ĐT (2013). *Thông tư số 20/2013/TT-BGDĐT ngày 06/06/2013 về việc Ban hành quy định bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học.*

[4] Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*

[5] Trường Đại học Hồng Đức (2011). *Đề án Chuyển đổi dạy - học tiếng Anh theo định hướng TOEIC đối với sinh viên không chuyên ngữ.*

[6] Boyce, Alan Edmond (2010). *The effectiveness of increasing language learning strategy awareness for students studying English as a second language.* Auckland University of Technology.

[7] Gardner, Robert C. - Lambert, Wallace E. (1972). *Attitudes and motivation in second language learning.* Newbury House Publishers.

## Quản lý chất lượng đào tạo sinh viên...

(Tiếp theo trang 65)

thực hiện CIPO với nội dung, yêu cầu và thời gian khác nhau theo từng đối tượng.

- Đánh giá thực trạng hệ thống QL hiện hành trên cơ sở đối chiếu, so sánh với mô hình chất lượng theo CIPO dự định áp dụng.

- Xây dựng *Hệ thống QL CLĐT theo CIPO*, gồm: Hoạch định mục tiêu chiến lược nhằm nâng cao CLĐT của nhà trường; khoanh vùng các lĩnh vực công việc chính cần tập trung; xác định các hoạt động chủ yếu sẽ diễn ra và sắp xếp theo trật tự hợp lý để hình thành kế hoạch; xây dựng quy trình tiến hành các hoạt động đào tạo đó trên cơ sở sự phối hợp các nguồn lực; xác định các phương pháp, công cụ kiểm soát diễn biến và đo lường chất lượng cũng như các phương pháp đánh giá chất lượng...

- Đánh giá chất lượng của hệ thống sau một thời gian thực hiện, gồm: Đánh giá nội bộ của các bộ phận trong nhà trường; đánh giá của cơ quan chức năng QL nhà nước về lực lượng và các tổ chức tư vấn. Nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu thì đó là cơ sở để làm thủ tục chứng nhận mức độ của *Hệ thống QL CLĐT theo CIPO* của nhà trường.

\*\*\*

*QL CLĐT theo tiếp cận CIPO* là lý thuyết QL hiện

đại đã được vận dụng có hiệu quả của nhiều cơ sở GD-ĐT ở nhiều quốc gia phát triển trên thế giới. Việc vận dụng mô hình này không thể thực hiện một cách máy móc, mà phải dựa trên việc đánh giá thực trạng; đồng thời, trên cơ sở các hệ thống tiêu chí và chỉ số, chỉ báo phù hợp với điều kiện nhà trường, xu thế phát triển và hội nhập quốc tế. Việc xây dựng và thực hiện tốt mô hình này sẽ góp phần thực hiện thành công công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam; đồng thời, đào tạo được nguồn nhân lực có chất lượng cao giúp thực hiện công cuộc CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế. □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Trần Khánh Đức (2011). *Chất lượng giáo dục và quản lý chất lượng giáo dục đại học.* NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Trần Khánh Đức (2014). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI.* NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Nguyễn Tiến Hùng (2015). *Quản lý chất lượng trong giáo dục.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Matsushita Konosuke (1999). *Quản lý chất lượng là gì?* NXB Lao động.

[5] Phạm Thành Nghị (2000). *Quản lý chất lượng giáo dục đại học.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[6] A. Taylor - F. Hill (1997). *Quality management in education.* in Hariis.

[7] D. Warrant Piper (1993). *Quality management in universities.* AGPs. Canberra.